TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 01 - 2024
Về việc "*Ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lữ Khắc Hồi

2. Ông Nguyễn Văn Triệu

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh ông Nguyễn Văn Trường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc: "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị T, sinh năm 1998 (vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh TV.

2. *Bị đơn*: Anh Thạch Sô Th, sinh năm 1995 (vắng mặt, không có lý do);
Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị T trình bày:* Vào năm 2017, chị Lê Thị T và anh Thạch Sô Th xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh TV. Sau khi kết hôn, chị T và anh Th về sống tại xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh khoảng 01 tháng thì anh chị đi làm công nhân ở Thành phố Hồ Chí Minh. Làm công nhân được khoảng 01 tuần thì anh Th bỏ về quê sinh sống nên chị T và anh Th ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau, ly thân đã lâu không chăm sóc, lo lắng

cho nhau, đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên chị Lê Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Thạch Sô Th.

Con chung: Quá trình chung sống thì chị Lê Thị T và anh Thạch Sô Th không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện đúng theo các quy định tại các Điều 72, 177, 196, 203, 205, 208, 209,210, 211, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nội dung vụ án: Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Thạch Sô Th.

Con chung, tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu.

Chị Lê Thị T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Thạch Sô Th đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: "*Ly hôn*" căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Chị Lê Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Thạch Sô Th đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Thạch Sô Th xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh là hôn nhân được pháp luật thừa nhận.

[4] Chị Lê Thị T và anh Thạch Sô Th xác lập hệ hôn nhân được hơn 01 tháng thì ly thân cho đến nay. Chị T và anh Th xác lập quan hệ hôn nhân gần 07

năm nhưng thời gian chung sống với nhau thì quá ít, hai bên đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thể sống chung. Tòa án đã triệu tập anh Thạch Sô Th hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, anh Th không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về hôn nhân của anh và chị T. Xét thấy đời hôn nhân của anh chị không thương yêu chăm sóc nhau, thời gian ly thân là khá dài. Chị T và anh Th không thể hàn gắn để cùng nhau chung sống hạnh phúc. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân của chị T và anh Th là không đạt được, tình cảm vợ chồng là không còn yêu thương, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên cho chị T được ly hôn với anh Th là có cơ sở.

[5] Con chung: Chị Lê Thị T trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[8] Án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lê Thị T. Cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Thạch Sô Th.

Con chung: Chị Lê Thị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị T trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Lê Thị T chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo biên lai số 0018983 ngày 12/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, chị T không phải nộp thêm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của đương sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đoàn Thị Thu Trang

** Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.